

**THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 07 năm 2015)

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033 3862 063 Fax: 033 3862 908
Website: <http://vmts.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Mạnh Cường

Số điện thoại: 033 3860 325

Chức vụ: Phó giám đốc

Số Fax: 033 3862 908

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM.....	3
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1.	Giới thiệu chung về Công ty	4
2.	Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	5
3.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
4.	Quá trình tăng vốn của Công ty.....	6
5.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	6
6.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	9
7.	Danh sách công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch và những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	10
8.	Hoạt động kinh doanh.....	11
9.	Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
10.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	19
11.	Chính sách đối với người lao động.....	21
12.	Chính sách cổ tức.....	22
13.	Tình hình tài chính	22
14.	Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	27
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	30
16.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty.....	32
17.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	32
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	32
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	32
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	32
2.	Ban kiểm soát.....	38
3.	Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý.....	42
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	45
IV.	PHỤ LỤC	46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần.....	10
Bảng 2:	Cơ cấu cổ đông của Công ty	10
Bảng 3:	Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm.....	14
Bảng 4:	Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh	15
Bảng 5:	Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết	17
Bảng 6:	Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm	18
Bảng 7:	Cơ cấu lao động của Công ty.....	21
Bảng 8:	Số dư các quỹ của Công ty.....	23
Bảng 9:	Các khoản phải thu	24
Bảng 10:	Các khoản phải trả.....	25
Bảng 11:	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	26
Bảng 12:	Tài sản cố định của Công ty	27
Bảng 13:	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty.....	28
Bảng 14:	Tình hình đất đai của Công ty.....	28
Bảng 15:	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	31

I. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản tóm tắt thông tin này có nội dung như sau:

HĐQT	:	Hội đồng quản trị
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
LN	:	Lợi nhuận
GCNQSDĐ	:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
TCT	:	Tổng công ty
CN	:	Chi nhánh
TKV	:	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
MTS	:	Công ty cổ phần Vật tư - TKV

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Giới thiệu chung về Công ty**

Tên công ty : Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Tên tiếng Anh : Vinacomin - Materials Trading Joint Stock Company
Tên viết tắt : MTS
Trụ sở chính : Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 033 3862 063
Fax : 033 3862 908
Website : <http://vmts.vn>
Vốn điều lệ đăng ký : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)
Vốn điều lệ thực góp : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)
Ngày trở thành Công ty đại chúng : Ngày 19/11/2014
Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Minh Nghĩa
Chức vụ: Giám đốc Công ty
Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu vào ngày 25/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 20/07/2015

Logo :



Ngành nghề kinh doanh chính :

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ✓ Bán buôn tổng hợp;
- ✓ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- ✓ Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- ✓ Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- ✓ Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Bốc xếp hàng hóa;
- ✓ Nuôi trồng thủy sản biển;
- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: MTS
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 361.712 cổ phiếu, trong đó:
 - + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của CBCNV đăng ký mua theo số năm cam kết làm việc tại Công ty khi cổ phần hóa: 361.712 cổ phiếu (tương ứng 2,41% tổng số cổ phiếu đang lưu hành).
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục 4, Điều 5 Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Vật tư - TKV (sửa đổi lần thứ nhất ngày 27/04/2016) quy định tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty đối với nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ.

Tại thời điểm ngày 08/11/2016, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần - tương ứng 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV tiền thân là Xí nghiệp Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả - Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) được thành lập từ năm 1960.

Tháng 05/1996, Xí nghiệp Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ được nâng cấp thành Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ theo Nghị định 27/NĐ-CP của Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ của Tổng công ty Than Việt Nam.

Ngày 08/11/2006, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2467/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ thành Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV.

Theo Quyết định số 3127/QĐ-BCT ngày 15/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Công ty chuyển sang mô hình Công ty TNHH MTV trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).

Năm 2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 526/QĐ-Vinacomin ngày 03/04/2013 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin và Quyết định số 2378/QĐ-VINACOMIN ngày 18/12/2013 phê

duyet phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và Xếp dỡ - Vinacomín thành Công ty cổ phần.

Ngày 26/02/2014, phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty đã được tổ chức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng số cổ phần đấu giá thành công: 321.500 cổ phần. Giá đấu thành công bình quân 10.002 đồng/cổ phần.

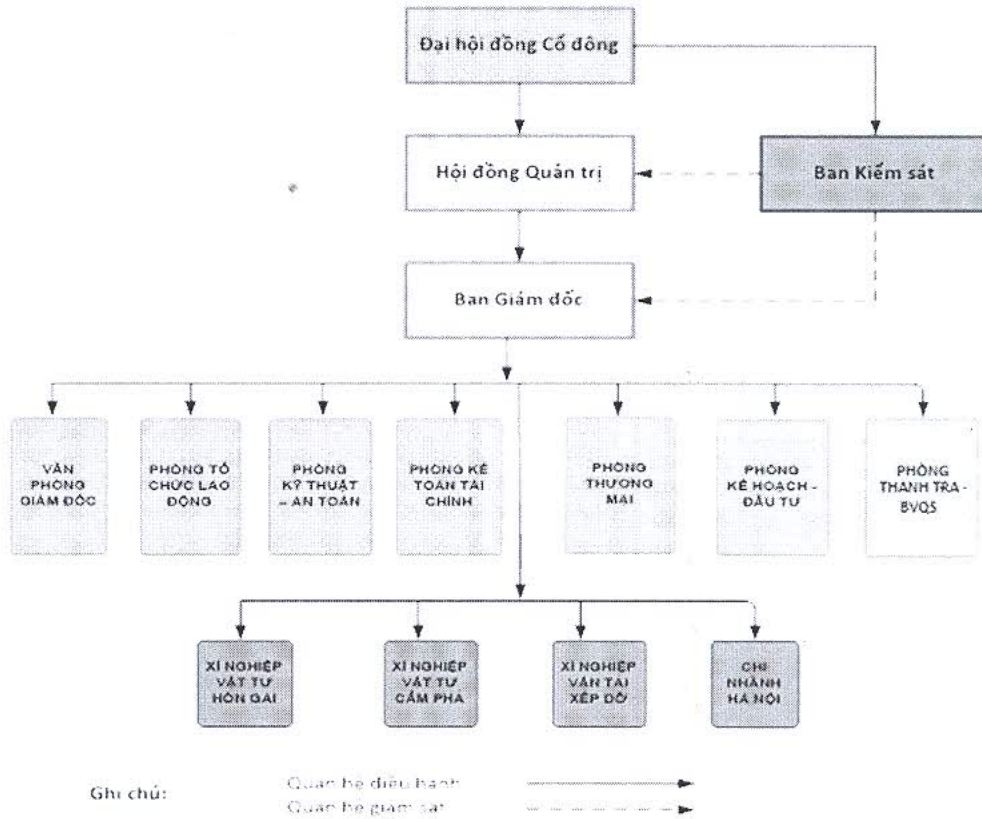
Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/05/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu vào ngày 25/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 01/05/2014 (đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp).

4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty cổ phần Vật tư - TKV chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/05/2014 với vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Từ thời điểm đó đến hiện tại, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Vật tư – TKV



Công ty Cổ phần Vật tư - TKV xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình công ty cổ phần, gồm:

➤ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;

- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn với loại cổ phần đó;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, BKS;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Quyết định loại và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán trong 12 tháng;
- Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

➤ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định. Chủ tịch HĐQT không tham gia điều hành, 04 thành viên HĐQT đều kiêm nhiệm các chức danh: Giám đốc, Phó giám đốc công ty, Giám đốc xí nghiệp và tham gia điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1, Điều 130 Luật Doanh nghiệp;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

➤ **Ban kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 03 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty.

BKS có quyền và trách nhiệm như sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ công ty.

➤ **Ban Giám Đốc**

Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng. Các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
- Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền hoặc không cần nghị quyết của HĐQT bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo lên các cơ quan này khi được yêu cầu;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

Các Phó giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công ủy nhiệm.

➤ **Văn phòng Công ty**

Văn phòng Công ty là nơi đặt trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV tại Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, gồm 07 phòng chức năng sau:

- Văn phòng Giám đốc: Chức năng chính là thực hiện công tác hành chính tổng hợp: Tổ chức tiếp nhận, phân phối xử lý công văn, tài liệu đến, phát hành công văn tài liệu; quản lý và sử dụng con dấu của công ty; tổ chức các cuộc họp, hội nghị. Phối hợp cùng Phòng Kỹ thuật - An toàn quản lý công thông tin điện tử và trang web của công ty.
 - Phòng Tổ chức lao động: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác tổ chức cán bộ, tổ chức sản xuất; công tác lao động tiền lương, đào tạo; công tác thi đua - khen thưởng, kỷ luật; công tác y tế.
 - Phòng Kỹ thuật - An toàn: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác kỹ thuật cơ điện - vận tải, công nghệ thông tin; công tác quản lý, sửa chữa tài sản; công tác môi trường; công tác an toàn - vệ sinh lao động; công tác sáng kiến.
 - Phòng Kế toán Tài chính: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác kế toán, thống kê; quản lý các hoạt động hạch toán kế toán, hoạt động tài chính, thống kê theo Luật Kế toán.
 - Phòng Thương mại: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác quản lý vật tư, kinh doanh thương mại trong công ty; trực tiếp tổ chức hoạt động kinh doanh; quản lý các thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại của công ty. Quản lý việc nghiên cứu - phát triển, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dầu nhờn Cominlub.
 - Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác xây dựng kế hoạch; công tác khoán và quản trị chi phí; công tác đầu tư - xây dựng cơ bản; công tác quản lý đất đai; công tác bảo hiểm hàng hóa, phương tiện, thiết bị; công tác điều hành sản xuất; công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn.
 - Phòng Thanh tra - Bảo vệ quân sự: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác bảo vệ an ninh trật tự; công tác quân sự - quốc phòng; công tác thanh tra; công tác pháp chế, quản trị rủi ro.
- **Các đơn vị trực thuộc:**
- **Chi nhánh Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai:** Chức năng chính là: Kinh doanh vật tư, thiết bị, cung ứng xăng dầu cho khu vực thị trường Hạ Long, Uông Bí, Mạo Khê; Cung ứng dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa trên bộ.
 - **Chi nhánh Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả:** Chức năng chính là: Kinh doanh vật tư, thiết bị, cung ứng xăng dầu cho khu vực thị trường Cẩm Phả; Sản xuất sản phẩm dầu nhờn COMINLUB; Sản xuất, cung ứng hàng BHLĐ và ống gió lò; Cung ứng dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa trên bộ.
 - **Chi nhánh Xí nghiệp Vận tải, Xếp dỡ:** Chức năng chính là: Cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa trên biển, dịch vụ vận tải đường thủy; Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy và các cấu kiện nổi khác.
 - **Chi nhánh Hà Nội:** Chức năng chính là: Kinh doanh vật tư, thiết bị nhập khẩu; Thực hiện dịch vụ xuất - nhập khẩu ủy thác.
- 6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông của Công ty**
- 6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 08/11/2016):**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%) trên VĐL thực góp
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	226 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	7.650.000	51,00%
2	Công ty TNHH MTV Đại Vạn Phú	0304007430	26 Đinh Tiên Hoàng, Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	2.650.000	17,67%
3	Lưu Tuyết Hương	023069416	286 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	1.100.000	7,33%
4	Nguyễn Văn Huyền	100769025	Khu 6, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	1.116.863	7,45%
Tổng				12.516.863	83,45%

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 08/11/2016 của MTS)

6.2. Cổ đông sáng lập

Công ty không có cổ đông sáng lập

6.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 08/11/2016:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trên VĐL thực góp
I	Cổ đông trong nước	761	15.000.000	100%
1	Tổ chức	03	10.305.000	68,70%
2	Cá nhân	758	4.695.000	31,30%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng	761	15.000.000	100%

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 08/11/2016 của MTS)

- Tổng số cổ phiếu sở hữu của các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng (*): 213.314 cổ phần.
- Tổng số cổ phiếu sở hữu của cán bộ công nhân viên Công ty (không bao gồm các đối tượng *): 1.183.508 cổ phần.

7. Danh sách công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch và những công ty

mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

✓ **Công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

Địa chỉ: Số 226 đường Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 35180400 Fax: 04. 38510724

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Công nghiệp than; Công nghiệp khoáng sản (bao gồm công nghiệp bô xít - alumin - nhôm và các khoáng sản khác); Công nghiệp điện; Cơ khí; Vật liệu nổ công nghiệp; Vật liệu xây dựng;
- Quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy chuyên dùng, xếp dỡ, chuyển tải hàng hoá;
- Xây lắp đường dây và trạm điện; xây dựng các công trình công nghiệp, luyện kim, nông nghiệp, giao thông và dân dụng; Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản.
- Cấp nước, xử lý nước thải, trồng rừng và sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Sản xuất kinh doanh dầu mỡ bôi trơn, nitơ, ôxy, đất đèn, hàng tiêu dùng; cung ứng vật tư, thiết bị.
- Các dịch vụ: đo đạc, bản đồ, thăm dò địa chất; tư vấn đầu tư, thiết kế; khoa học công nghệ, tin học, kiểm định, giám định hàng hoá; in ấn, xuất bản; đào tạo, y tế điều trị bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng; thương mại, khách sạn, du lịch; hàng hải; xuất khẩu lao động; bảo hiểm, tài chính.

Vốn điều lệ đăng ký: 35.000.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 35.000.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2014.

Tỷ lệ góp vốn thực tế tại Công ty: 7.650.000 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ.

✓ **Công ty con và Công ty mà MTS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.**

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

❖ **Dịch vụ cung ứng vật tư, xăng dầu**

Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị, xăng dầu được Công ty triển khai từ những năm đầu thành lập, trở thành mảng kinh doanh chính của Công ty với tỷ trọng doanh thu hàng năm trên 85%.

Về vật tư thiết bị, Công ty cung cấp vật tư thiết bị cho ngành khai thác khoáng sản và xây dựng hạ tầng cơ sở mỏ như: phụ tùng vật tư thay thế, bảo dưỡng sửa chữa các loại máy công trình, phương tiện vận tải, thiết bị khai thác mỏ lộ thiên, thiết bị khai thác hầm lò với chất lượng cao, có nguồn gốc từ các nước như Mỹ, Đức, Nga, Nhật Bản, Thụy Điển, Hàn

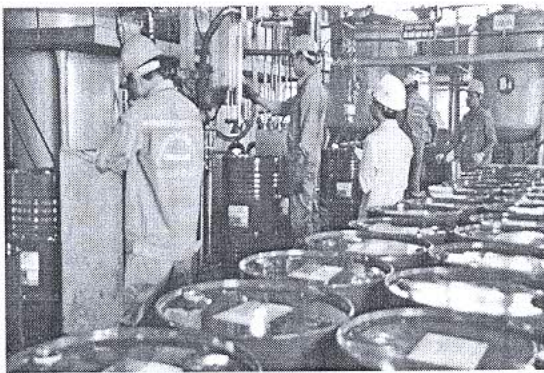
Quốc,... và được sản xuất bởi các hãng uy tín như CAT, KOMATSU, BELAZ, SCANIA, VOLVO, HUYNDAI, SAMSUNG, HITACHI, KAWASAKI, FURUKAWA, TAMAROCK, DONGFENG, HOWO, KAMAZ, KRAZ; các thiết bị khai thác hầm lò có nguồn gốc từ Úc, Nga, Ucraina, Ba Lan, Trung Quốc.

Về mảng kinh doanh xăng dầu, Công ty hiện đang cung ứng các loại xăng, dầu DO, dầu nhớt, mỡ máy... chủ yếu phục vụ lĩnh vực khai thác khoáng sản và đang dần tiếp cận các nguồn tiêu thụ khác nhằm đa dạng hóa thị trường đầu ra. Các loại xăng dầu của Công ty đều được nhập từ các đối tác uy tín như Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty xăng dầu Quân đội - Bộ Quốc phòng... trong khi dầu gốc và nguyên liệu sản xuất dầu nhớt được nhập từ thị trường Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc nên nguồn cung tương đối ổn định. Với hệ thống kho tàng, bể chứa có mặt trên toàn bộ địa bàn khu công nghiệp Mô Quảng Ninh, Công ty đang cung cấp tới 95% lượng nhiên liệu (xăng, dầu DO, dầu FO) phục vụ cho công nghiệp khai thác than, nhiệt điện trên địa bàn.

❖ Sản xuất dầu nhớt Cominlub

Xuất hiện trên thị trường từ những năm 1997, sau quá trình liên tục nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm song song với việc đầu tư phát triển các dòng sản phẩm mới, đến nay, thương hiệu dầu nhớt Cominlub của Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả - Công ty Cổ phần Vật tư - TKV đã trở nên rất quen thuộc với các đơn vị trong ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam. Một số sản phẩm tiêu biểu của đơn vị đã tạo được dấu ấn như: Dầu thủy lực cao cấp, dầu truyền động chống ăn mòn, chống tạo bọt, độ bền ô xy hóa cao; Dầu nhũ thủy lực thân thiện môi trường dùng cho cột chống, giá thủy lực trong các mỏ hầm lò. Hiện Công ty đã xác định mục tiêu tập trung vào chiến lược đổi mới toàn diện chất lượng, không ngừng mở rộng và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài Tập đoàn.

Từ năm 2009, Công ty đã đầu tư mở rộng nhà xưởng, lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mới, nâng công suất của dây chuyền sản xuất cũ. Hiện nay, một năm Công ty sản xuất khoảng 5 triệu lít dầu, công suất tối đa của nhà máy có thể đạt 7,2 triệu lít/năm.



Dây chuyền sản xuất dầu nhớt Cominlub



Công ty tham gia triển lãm "Quảng Ninh 50 năm hội tụ và lan tỏa"

❖ Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển

Với vai trò là đơn vị hậu cần của ngành than, hoạt động xếp dỡ, vận chuyển than cũng như hàng hóa khác là mảng hoạt động truyền thống trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

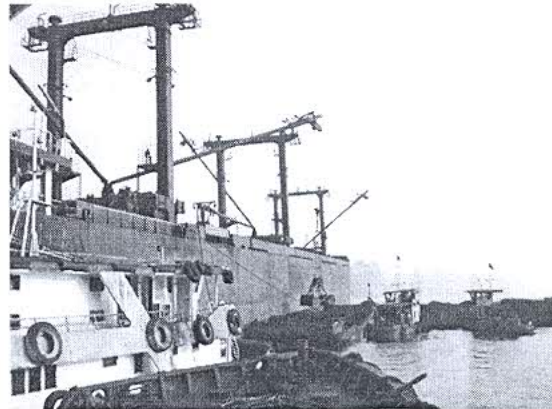
Với uy tín và kinh nghiệm lâu năm, dịch vụ vận tải của Công ty chủ yếu là vận tải thủy nội địa với đầu ra được đảm bảo ổn định. Với đội tàu và sà lan được đầu tư nâng cấp

thường xuyên, công suất vận tải thủy của Công ty trong 3 năm gần đây liên tục đạt xấp xỉ 900.000 tấn mỗi năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện dịch vụ vận tải bộ, chủ yếu là vận tải xăng dầu.

Dịch vụ bốc xếp của Công ty chủ yếu là bốc xếp hàng trên biển với các loại hàng hóa: than xuất - nhập khẩu; clinker, xi măng, quặng xuất khẩu,... Trong 3 năm gần đây, Công ty đã chủ động mở rộng thị trường bốc xếp hàng ngoài than để bù đắp sản lượng bốc xếp than xuất khẩu suy giảm, đảm bảo doanh thu và việc làm cho công nhân. Tới nay, mảng dịch vụ này vẫn đang mang lại doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty.

Tuy nhiên, trong những năm tới, Chính Phủ sẽ giảm dần sản lượng than xuất khẩu, ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng bốc xếp của Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ nói riêng và các hoạt động hậu cần ngành than khác của Công ty nói chung. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận của Công ty có thể sẽ sụt giảm trong những năm tới.

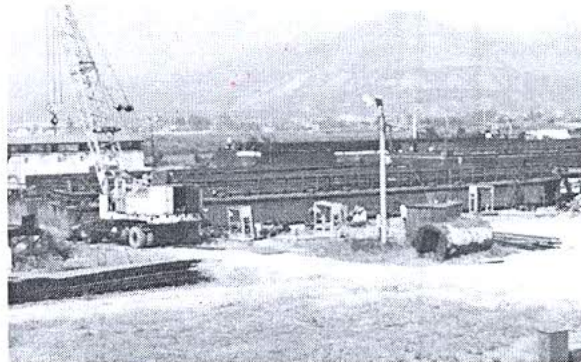
Một số hình ảnh về hoạt động của Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ:



❖ Sản phẩm cơ khí

Sản phẩm cơ khí của Công ty hiện tại chủ yếu là sửa chữa, nâng cấp, đóng mới máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động dịch vụ bốc xếp, vận tải của Công ty cũng như khai thác mỏ của một số đơn vị trong ngành.

Một số hình ảnh về hoạt động phân xưởng cơ khí của Công ty:



❖ Hoạt động khác:

• Hàng bảo hộ lao động

Sản phẩm hàng bảo hộ lao động của Công ty chủ yếu phục vụ ngành khai thác mỏ và có đầu ra ổn định là các đơn vị trong cùng Tập đoàn.

- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng

Từ tháng 09/1999, Công ty được giao quản lý trồng và bảo vệ rừng trên diện tích 430.000 m² tại đảo Vạn Duệ. Công ty đang trồng keo tai tượng phủ xanh đảo để bảo vệ môi trường. Với tinh thần chủ động, sáng tạo của cán bộ công nhân viên Công ty, diện tích rừng này không những được bảo vệ, quản lý tốt mà còn được khai thác hiệu quả thông qua các hoạt động nuôi trồng thủy sản, vật nuôi. Hoạt động nuôi trồng thủy sản của Công ty có quy mô nhỏ, chiếm tỷ lệ doanh thu rất nhỏ, chủ yếu cung cấp cho nội bộ công ty và một số đơn vị trong TKV.

8.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

❖ Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014		Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
1	DTT bán hàng hóa	1.727.641	92,56%	3.720.875	92,7%	4.144.496	90,7%	2.857.588	89,08%
2	DTT bán thành phẩm	83.553	4,48%	182.433	4,5%	288.466	6,3%	232.374	7,24%
3	DTT cung cấp dịch vụ	55.286	2,96%	112.004	2,8%	137.247	3,0%	1.17.983	3,68%
	Tổng giá trị	1.866.480	100%	4.015.312	100%	4.570.209	100%	3.207.945	100%

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

Doanh thu bán hàng của Công ty trong nội bộ tập đoàn TKV

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014		Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng %/ Tổng doanh thu thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/ Tổng Doanh thu thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/ Tổng Doanh thu thuần	Giá trị	Tỷ trọng %/ Tổng doanh thu thuần
1	Doanh thu bán hàng trong nội bộ Tập đoàn TKV	1.745.837	93,54%	3.788.399	94,35%	4.373.315	95,69%	3.036.321	94,65%

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 4: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014		Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	%/ DT thuần	Giá trị	%/ DT thuần	Giá trị	%/ DT thuần	Giá trị	%/ DT thuần
Tổng doanh thu thuần	1.866.480		4.015.312		4.570.209		3.207.945	
Giá vốn hàng bán	1.789.418	95,87%	3.872.404	96,4%	4.322.103	94,6%	2.982.730	93,0%
Chi phí tài chính	14.285	0,77%	24.188	0,6%	16.855	0,4%	22.057	0,7%
Chi phí bán hàng	39.717	2,13%	67.508	1,7%	125.284	2,7%	119.176	3,7%
Chi phí QLDN	12.778	0,68%	35.044	0,9%	83.474	1,8%	55.672	1,7%
Tổng chi phí	1.856.198	99,45%	3.999.144	99,6%	4.547.716	99,5%	3.179.635	99,1%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/04/2014; BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/05/2014 đến 31/12/2014; BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn (trên 90% doanh thu thuần) trong cơ cấu chi phí của Công ty. Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp giảm giá thành sản xuất dẫn đến tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần giảm góp phần tăng lợi nhuận cho công ty.

Chi phí tài chính của Công ty năm 2015 giảm do lãi suất vay vốn giảm và giai đoạn vay nợ để đầu tư các kho dầu, thiết bị vận chuyển xăng dầu, thiết bị bốc xếp, nâng cấp nhà máy sản xuất dầu nhờn... đã trôi qua. Chi phí tài chính năm 2016 tăng so với năm 2015 do lượng than tiêu thụ chậm dẫn đến khách hàng trong nội bộ Tập đoàn TKV gặp khó khăn trong thanh toán tiền mua hàng, Công ty phải tăng mức vay vốn để đảm bảo cung ứng vật tư phục vụ sản xuất của Tập đoàn TKV.

Ngoài ra, chi phí bán hàng của Công ty tăng từ 1,7% doanh thu thuần trong giai đoạn từ 1/1 - 31/12/2014 lên 2,7% doanh thu thuần năm 2015 và 3,7% doanh thu thuần năm 2016 do Công ty tập trung đẩy mạnh công tác bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp mặc dù có tăng do tăng chi phí sửa chữa, phân bổ lợi thế thương mại phải trả TKV khi cổ phần hóa, trích Quỹ phát triển Khoa học & công nghệ nhưng vẫn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng doanh thu thuần.

❖ Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh dầu bôi trơn, nguyên liệu chính được sử dụng là các loại dầu gốc, phụ gia nhập khẩu 100%, được cung cấp bởi các đối tác truyền thống của Công ty. Nguồn nguyên liệu luôn ổn định, đảm bảo dự trữ cho sản xuất trong ít nhất 06 tháng.

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và biến động của giá xăng dầu, giá điện nên giá cả nguyên vật liệu liên tục biến động bất thường. Bên cạnh đó,

những nguyên, nhiên liệu chính cho hoạt động sản xuất của Công ty được nhập khẩu khiến chi phí đầu vào không những chịu tác động từ biến động giá trên thị trường quốc tế mà còn chịu tác động không nhỏ của tỷ giá ngoại tệ (USD).

Chi phí đầu vào biến động sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình SXKD và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các nhà cung cấp truyền thống, có mối quan hệ lâu dài nên giá cả nguyên vật liệu tương đối ổn định. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng được định mức dự trữ nguyên nhiên liệu phù hợp nên đảm bảo duy trì sản xuất diễn ra liên tục khi nền kinh tế có sự biến động lớn về giá cả nguyên vật liệu.

❖ *Trình độ công nghệ*

Hiện nay Công ty đang từng bước thay đổi công nghệ trong sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Về sản xuất dầu nhờn, Công ty đã áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại nhất, tự động hóa trong sản xuất, kết hợp với nguồn nguyên liệu tốt để có thành phẩm chất lượng cao;
- Về bốc xếp hàng hóa, Công ty đã trang bị nhiều thiết bị hiện đại như gầu ngoạm bán tự động, tự động điều khiển từ xa, máy xúc, nhà nổi cho công nhân làm việc...;
- Về vận chuyển thủy, Công ty đã đóng mới, hoán cải, sửa chữa nâng cấp cho rất nhiều đoàn phương tiện;
- Về kinh doanh nhiên liệu ở các kho khai trường, kho trung chuyển, cửa hàng bán lẻ, Công ty áp dụng rất nhiều công nghệ quản lý hiện đại, tiên tiến như: Que đo bồn, máy in hóa đơn tự động, quản lý vòi bơm PLC, camera an ninh, báo cháy tự động, hệ thống giám sát hành trình đối với các xe bồn. Các hệ thống đều hoạt động tốt, có sự liên kết, tương tác với nhau, được truyền lên mạng và tới các trung tâm điều khiển của Công ty và các xí nghiệp thành viên. Công ty đã triển khai thí điểm thành công hình thức cấp phát nhiên liệu tự động thông qua hệ thống nhận diện phương tiện bằng thiết bị cảm ứng từ. Năm 2017 và các năm tiếp theo, Công ty sẽ nhân rộng mô hình cấp phát nhiên liệu tự động cho các khách hàng.

❖ *Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới*

Công ty đang từng bước ứng dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đồng thời dựa trên cơ sở năng lực hiện có để nghiên cứu các sản phẩm mới như dầu nhờn chất lượng cao, dầu nhũ thủy lực thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ *Hệ thống quản lý chất lượng*

Công ty đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để áp dụng từ năm 2017 trong toàn công ty, góp phần tạo sự ổn định trong sản xuất, đưa ra thị trường những sản phẩm chất lượng và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai áp dụng Chương trình 5S tại Văn phòng công ty, góp phần cải thiện môi trường làm việc, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và nâng cao uy tín, hình ảnh của Công ty.

Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Công ty luôn đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam. Tại Công ty và các Xí nghiệp đều có bộ phận kiểm tra chất lượng, thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề hoặc phối hợp cùng với các đoàn

kiểm tra của các cơ quan chức năng, nhằm đảm bảo việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng được đồng bộ và nhất quán. Bản thân Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả cũng có một phòng thí nghiệm sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 256 để kiểm tra chất lượng xăng dầu, dầu nhờn và phục vụ nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

❖ Hoạt động Marketing

Bên cạnh bảo hộ nhãn hiệu, Công ty đã từng bước thực hiện các hoạt động marketing đối với toàn bộ sản phẩm của mình. Đối với sản phẩm dầu nhờn, Công ty tổ chức quảng cáo trên tạp chí chuyên ngành, truyền hình Quảng Ninh; đặt in và sản xuất các loại tờ rơi, áo, mũ,... có tên sản phẩm để làm quà tặng cho khách hàng, đối tác; tổ chức súc rửa, thay dầu và cung cấp sử dụng thử miễn phí cho khách hàng. Tất cả các hoạt động này đều được thực hiện theo kế hoạch từ đầu năm và luôn được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

❖ Nhãn hiệu thương mại

Công ty đã đăng ký 02 nhãn hiệu thương mại và đã được Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học công nghệ công nhận năm 2011 (đối với nhãn hiệu “MTS”) và năm 2012 (đối với nhãn hiệu “Cominlub”). Các nhãn hiệu này đều được bảo hộ 10 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận.

Nhãn hiệu MTS:



Nhãn hiệu Cominlub:



❖ Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết:

Bảng 5: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số hiệu hợp đồng	Loại hình hợp đồng	Đối tác	Hiệu lực	Số lượng (triệu lít ĐO)
1	06/B12-MTS/HĐBBB2016	HĐ mua bán dầu Diesel	Công ty Xăng dầu B12	31/12/2016	127,0
2	01/2016/DKHN-MTS	HĐ mua bán dầu Diesel	Công ty CP Xăng dầu dầu khí Hà Nội	31/12/2016	28,0
3	01/2016/DKQN-MTS	HĐ mua bán dầu Diesel	Công ty CP Xăng dầu dầu khí Quảng Ninh	31/12/2016	15,5
4	01/HA-MTS/2016	HĐ mua bán dầu Diesel	Công ty CP Thương mại dịch vụ dầu khí Hà Anh	31/12/2016	15,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư - TKV)

9. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016 so với 2015
Tổng giá trị tài sản	1.653.129	944.436	717.615	841.667	17,29%
Vốn chủ sở hữu	150.000	151.981	154.208	158.960	3.08%
Doanh thu thuần	1.866.480	4.015.312	4.570.209	3.207.945	-29,81%
Lợi nhuận từ HĐKD	10.376	16.406	22.829	28.565	25,13%
Lợi nhuận khác	2.740	5.466	7.064	4.555	-35,52%
Lợi nhuận trước thuế	13.116	21.872	29.893	33.120	10,80%
Lợi nhuận sau thuế	10.202	17.033	23.317	26.340	12,96%
Giá trị sổ sách cổ phiếu (đồng)	N/A	10.132	10.281	10.597	3,07%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	N/A	1.136	1.208	1.017	-15,81%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/04/2014; BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/05/2014 đến 31/12/2014; BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

❖ Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với BCTC kiểm toán năm 2015

Tại ngày 31/12/2015, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo công văn số 853/TKV-KS ngày 04/03/2016 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam. Theo đó: chia lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty Cổ phần đầu tư Vật tư và Xếp dỡ Kỳ Tâm 893.037.416 đồng, chia cổ tức cho các cổ đông 15.000.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 2.227.209.510 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5.041.947.190 đồng, trích quỹ thưởng ban điều hành 154.875.000 đồng. Việc ghi nhận các nghiệp vụ phân phối lợi nhuận như trên là chưa tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu thực hiện đúng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" sẽ giảm đi 15.893.037.416 đồng, khoản mục "Quỹ khen thưởng phúc lợi" giảm 5.196.822.190 đồng, khoản mục "Quỹ đầu tư phát triển" giảm 2.227.209.510 đồng, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tăng 23.317.069.116 đồng.

❖ Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

• Thuận lợi

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV là đơn vị hậu cần cho ngành sản xuất than với nhiệm vụ chính là cung ứng hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, vì vậy nguồn tiêu thụ đầu ra của Công ty khá ổn định. Đây được coi là lợi thế của Công ty so với các đơn vị cùng ngành nghề kinh doanh

nhưng nằm ngoài Tập đoàn.

Với trên 50 năm hoạt động, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý và vận hành cũng như đã xây dựng được mối quan hệ tin cậy với các đối tác và uy tín đối với khách hàng.

- **Khó khăn**

Khó khăn chung của nền kinh tế trong thời gian qua do chịu sự ảnh hưởng bất ổn của kinh tế thế giới trước khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Những khó khăn của nền kinh tế thế giới và trong nước có ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình SXKD của Công ty.

Tình hình SXKD của Tập đoàn hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, sau những năm giá bán than ở mức cao thì từ năm 2012 giá than trên thị trường thế giới đã và đang sụt giảm mạnh. Điều này đã làm cho lượng than tồn kho tăng cao. Vì các sản phẩm dịch vụ của Công ty chủ yếu cung ứng cho ngành than nên hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng rất nhiều: Các lĩnh vực bốc xếp, chuyển tải, kinh doanh xăng dầu, vật tư thiết bị đều bị sụt giảm nghiêm trọng, đặc biệt nếu ngừng xuất khẩu than thì lĩnh vực chuyển tải, bốc xếp than xuất khẩu cũng sẽ chấm dứt. Theo định hướng của Chính phủ thì lượng than xuất khẩu tiếp tục giảm và sẽ ngừng xuất khẩu vào năm 2018.

Công nợ phải thu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của Công ty. Phần lớn các khoản công nợ này đều là các khoản công nợ của các khách hàng trong nội bộ Tập đoàn. Do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, giá trị từ xuất khẩu than giảm sút dẫn tới khả năng thanh toán các khoản công nợ của khách hàng cũng giảm theo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ công nợ phải thu/Tổng giá trị tài sản của Công ty chiếm tỷ trọng lớn, tại thời điểm 31/12/2015 là 51,31%, thời điểm 31/12/2016 là 63,18%. Do khả năng thu hồi công nợ thấp nên để đảm bảo phục vụ SXKD của Tập đoàn, Công ty đã phải vay vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, khiến chi phí tài chính tăng làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

❖ Điểm mạnh

- Công ty hoạt động theo cơ chế điều hành của Tập đoàn, có lợi thế về thị trường đầu ra tương đối ổn định;
- Công ty có nhiều kinh nghiệm, uy tín trong dịch vụ cung ứng xăng dầu, Công ty chiếm khoảng 90% thị phần trong nội bộ Tập đoàn TKV về dịch vụ cung ứng xăng dầu tại khu vực Hạ Long và Cẩm Phả;
- Công ty chiếm khoảng 70% thị phần cung ứng dầu nhờn trong nội bộ Tập đoàn TKV;
- Hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong sự phát triển của ngành than; trong bối cảnh kinh tế xã hội diễn biến nhanh và phức tạp thì Than là mặt hàng năng lượng chiến lược luôn được Chính phủ coi trọng và có giải pháp duy trì, ổn định trong khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên này.

❖ *Điểm yếu*

- Thị trường của Công ty chủ yếu là các đơn vị sản xuất than nên dễ bị tác động khi ngành Than phát triển hay suy yếu;
- Công ty có đặc thù kinh doanh thương mại nên nhu cầu sử dụng vốn lưu động ở mức lớn, chi phí tài chính cao, rủi ro tài chính nhiều hơn so với các đơn vị kinh doanh khác trong ngành;
- Đối với TSCD là vật kiến trúc - kho xăng dầu được xây dựng trong khai trường các mỏ (Công ty không sở hữu đất) nên khi quy hoạch mỏ thay đổi, các kho dầu bị di chuyển phải phá dỡ (tỷ lệ tận dụng lại thấp), gây lãng phí;
- Dịch vụ bốc xếp và vận tải thủy chịu sự cạnh tranh gay gắt của hơn 10 công ty trên cùng địa bàn, đặc biệt là cạnh tranh về giá;
- Sản phẩm dầu nhờn của Công ty chịu áp lực cạnh tranh rất lớn từ tất cả các hãng dầu nhờn thương hiệu mạnh trên toàn cầu và các công ty sản xuất dầu nhờn trong nước như PLC, APP.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV là đơn vị hậu cần cho ngành sản xuất than với nhiệm vụ chính là cung ứng hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Bởi vậy, triển vọng phát triển của ngành khai thác và sản xuất than sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới triển vọng phát triển của Công ty trong tương lai.

Về nguồn đầu vào, Việt Nam là nước có tiềm năng về trữ lượng than rất lớn. Khu vực Quảng Ninh lại là nơi tập trung khoảng 67% trữ lượng toàn quốc và cũng có khả năng khai thác lớn nhất. Tuy nhiên, khu mỏ Quảng Ninh đã được khai thác từ thời Pháp thuộc, đến nay đã trên 100 năm nên đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu cạn kiệt, suất đầu tư cho việc khai thác xuống sâu ngày càng tăng.

Về đầu ra, căn cứ Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030, lượng than xuất khẩu sẽ dần bị hạn chế, tiến tới ngừng xuất khẩu. Điều này sẽ tác động nghiêm trọng tới sản lượng và doanh thu, gây khó khăn cho toàn ngành trong những năm sắp tới. Tuy nhiên, trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (hiện đang chiếm khoảng 40%). Với những khó khăn trong phát triển thủy điện và nguồn khí đốt tại Việt Nam, vai trò của nhiệt điện chạy bằng than sẽ ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than ngày càng lớn. Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hoá chất... khi nền kinh tế phục hồi cũng có tốc độ tăng trưởng cao, hứa hẹn sức cầu lớn về than trong dài hạn.

Những phân tích trên cho thấy nguồn năng lượng than có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của nền kinh tế. Bởi vậy, triển vọng của ngành cung ứng vật tư, vận tải xếp dỡ than cũng như các hàng hóa khác xét về dài hạn vẫn còn rất tiềm năng.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong dài hạn, nhận định sản lượng khai thác và sản xuất than sẽ vẫn tiếp tục tăng, khiến nhu cầu đối với vật tư, thiết bị và các dịch vụ hậu cần ngành vẫn tăng trưởng ổn định, Công ty sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh một cách thận trọng, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo

lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Về đầu tư phát triển, công ty tăng cường đầu tư vào các tài sản cố định nhằm nâng cao năng suất sản xuất kinh doanh, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu đầu vào và tích cực nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.

Về vốn kinh doanh, trước mắt Công ty giữ nguyên vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Trong những năm tiếp theo, căn cứ vào quy mô sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện một số hình thức khác để bổ sung vốn kinh doanh như huy động vốn tín dụng hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới, định hướng phát triển doanh nghiệp của Công ty cho các năm tới là hoàn toàn phù hợp.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Tại thời điểm 30/09/2016, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của công ty là **1.015** người với cơ cấu như sau:

Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	1.015	100%
- Đại học và trên đại học	304	30%
- Trung cấp, cao đẳng	74	7%
- Sơ cấp, phổ thông trung học	637	63%
Phân theo HĐ lao động	1.015	100%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	901	89%
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	64	6%
- Hợp đồng dưới 3 tháng	50	5%
Phân theo giới tính	1.015	100%
- Nam	766	75%
- Nữ	249	25%

(Nguồn: Công ty Cổ phần vật tư - TKV)

11.2. Chính sách đối với người lao động

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo việc làm ổn định cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm.
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động.
- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong

toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

11.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty tăng dần theo năm:

- Năm 2014: 7.358 nghìn đồng/người/tháng
- Năm 2015: 7.609 nghìn đồng/người/tháng
- 9 tháng năm 2016: 8.357 nghìn đồng/người/tháng

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức trả cho số vốn thực góp của cổ đông sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty, do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Từ năm 2014 trở về trước Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước. Năm 2014, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đến 01/05/2014, Công ty bắt đầu chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Tỷ lệ cổ tức qua các năm của công ty như sau:

Chỉ tiêu	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014	Năm 2015	Năm 2016
Tỷ lệ cổ tức (%/năm)	6,666%	10%	7% (*)
Hình thức trả	Bằng tiền	Bằng tiền	Bằng tiền

(*) Đến nay, Công ty chưa tạm ứng cổ tức năm 2016 lần nào và dự kiến sẽ chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức sau khi họp ĐHĐCĐ thường niên 2017.

13. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán hiện hành.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015 được trình bày lại cho phù hợp với quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chi tiết trình bày tại thuyết minh số 26. Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình và vô hình.

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 15
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện thanh toán đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện thanh toán đầy đủ và nghiêm túc các khoản phải nộp theo luật định, không có khoản phải nộp trễ hạn.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để thành lập quỹ dự phòng và các quỹ khác mà pháp luật yêu cầu. Số dư các quỹ qua các năm của Công ty như sau:

Bảng 8: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	1.981	4.208	8.960
Quỹ khen thưởng phúc lợi	20.667	7.356	12.256

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	211.929	17.529	237.386
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.968	27.767	39.704
	Tổng cộng	243.897	45.296	277.090

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

✦ **Thuyết minh về các khoản vay tại thời điểm 31/12/2016**

▪ **Vay ngắn hạn:**

- Khoản vay tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - chi nhánh Cẩm Phả dưới hình thức tín dụng thư theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 00302/2016/0001016/HĐTDHM/NHCT302-VATTU ngày 16/06/2016 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng tối đa 350.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 4,8%/năm, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Tại thời điểm 31/1/2016, số dư khoản vay là 137.537.112.972 đồng.
- Khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả dưới hình thức tín dụng thư theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/482360/HĐTD ngày 16/08/2016 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản tín dụng này có thể rút bằng đồng Việt Nam với số tiền tối đa 400.000.000.000 đồng, thời hạn vay 4-6 tháng, lãi suất 5%/năm, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Tại thời điểm 31/12/2016, số dư khoản vay là 43.864.000.000 đồng.
- Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ dưới hình thức tín dụng thư theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 18034.16.004.595106.TD ngày 16/05/2016 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, vật tư thiết bị ngành than. Hạn mức tín dụng tối đa 80.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ

ngày giải ngân, lãi suất cho vay từ 5% đến 5,1%/năm, cho vay không có đảm bảo bằng tài sản. Tại thời điểm 31/12/2016, số dư khoản vay là 20.137.525.764 đồng.

- Khoản vay từ ngân hàng Agribank - Chi nhánh Cẩm Phả dưới hình thức tín dụng thư theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 8010LAV201601067/HĐTD ngày 28/11/2016 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản tín dụng này có thể rút bằng đồng Việt Nam với số tiền tối đa 30.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng, lãi suất 5%/năm, cho vay không có đảm bảo bằng tài sản. Tại thời điểm 31/12/2016, số dư khoản vay bằng 15.565.000.000 đồng.
- **Vay dài hạn:**
 - Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại 31/12/2016 là 16.580.900.000 đồng bao gồm 13 hợp đồng vay với thời hạn từ 5-7 năm, lãi suất vay hiện tại là 9,15%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2016 là 13.533.981.428 đồng bao gồm 3 hợp đồng vay với thời hạn 6-8 năm, lãi suất vay hiện tại là 9,15%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2016 là 10.400.874.286 đồng bao gồm 3 hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 đến 7 năm, lãi suất vay tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính là 9,15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2016 là 5.923.850.000 đồng bao gồm 4 hợp đồng vay với thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay hiện tại là 9,175%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2016 là 13.546.876.510 đồng bao gồm 2 hợp đồng vay với thời hạn 5 năm, lãi suất hiện tại 8,5%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 9: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	567.768	368.056	531.611
1	Phải thu khách hàng	561.718	364.283	531.334
2	Trả trước cho người bán	1.449	2.582	93
3	Các khoản phải thu khác	4.601	157	87
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.034	97
II.	Các khoản phải thu dài hạn	290	160	130
1	Phải thu dài hạn khác	290	160	130
	Tổng cộng phải thu	568.059	368.216	531.741

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

Phải thu của các bên liên quan

Khoản mục	31/12/2014		31/12/2015		31/12/2016	
	Giá trị	Tỷ	Giá trị	Tỷ	Giá trị	Tỷ
		trọng/Tổng phải thu		trọng/Tổng phải thu		trọng/Tổng phải thu
Phải thu các bên liên quan	537.700	94,7%	345.874 (*)	93,93%	510.180	95,95%

Các bên liên quan bao gồm các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các bên liên quan là các công ty liên kết của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bao gồm: Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin, Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin, Công ty cổ phần Cơ khí mỏ và đóng tàu - Vinacomin.

(*) Số dư tại thời điểm 31/12/2015 trên BCTC kiểm toán năm 2015: 345.874.281.746 đồng

Số dư tại thời điểm 01/01/2016 trên BCTC kiểm toán năm 2016: 343.031.216.179 đồng

Lý do của sự thay đổi trên là do trình bày lại số dư trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, cụ thể:

+ Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV và Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin năm 2015 vẫn thuộc TKV, đến năm 2016 đã ra khỏi Tập đoàn nên số đầu kì điều chỉnh giảm: 7.584.302.758 đồng. *

+ Theo BCTC 2015, không tính giá trị phải thu các bên liên doanh liên kết vào khoản phải thu các bên liên quan, tuy nhiên đến năm 2016 được tính thêm vào theo đúng quy định nên số đầu kì điều chỉnh tăng: 4.741.237.191 đồng.

❖ Các khoản phải trả
Bảng 10: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
I	Nợ ngắn hạn	759.687	531.607	640.618
1	Phải trả người bán	483.840	454.401	332.082
2	Người mua trả tiền trước	870	562	936
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	241	3.214	4.980
4	Phải trả người lao động	29.977	28.065	39.484
5	Chi phí phải trả	172	353	1.909
6	Các phải phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.991	18.627	11.585
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	20.667	7.356	12.256
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	211.929	17.529	237.386
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	1.500	-

II	Nợ dài hạn	32.768	31.799	42.088
1	Phải trả dài hạn khác	800	711	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.968	27.767	39.704
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	3.321	2.384
	Tổng cộng	792.455	563.406	682.706

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 11: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,01	1,05	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,78	0,74	0,87
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	83,9%	78,5%	81,1%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	5,21	3,65	4,3
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần	22,13	25,62	19,92
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	4,25	5,5	4,11
4. Khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,4%	0,5%	0,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,2%	15,2%	16,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	1,8%	2,8%	3,38%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,4%	0,5%	0,9%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

Lưu ý: Chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho, Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu, Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản cho giai đoạn từ 01/05/2014 đến 31/12/2014 chỉ tính dựa trên số liệu tại thời điểm 31/12/2014.

14. Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)
14.1. Tài sản cố định của Công ty
Bảng 12: Tài sản cố định của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Khoản mục	31/12/2015			31/12/2016		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1	Tài sản cố định hữu hình	481.644	127.907	26,6%	521.942	138.884	26,6%
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	121.760	38.960	32,0%	123.902	32.482	26,2%
	- Máy móc thiết bị	91.383	43.783	47,9%	111.076	51.792	46,6%
	- Phương tiện vận tải	267.969	45.115	16,8%	282.131	50.199	17,8%
	- Thiết bị, dụng cụ quản lý	532	49	9,2%	4.833	4.411	91,3%
2	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	481.644	127.907	26,6%	521.942	138.884	26,6%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, năm 2016)

❖ Nhà xưởng, vật kiến trúc

Chủ yếu là văn phòng làm việc của Công ty, hệ thống các kho xăng dầu. Phần lớn trong số này đã được đầu tư từ lâu.

Hệ thống các kho xăng dầu tuy có giá trị khá cao, song do nằm chủ yếu tại khai trường của các mỏ (không phải đất do Công ty sở hữu). Khi quy hoạch mỏ thay đổi thì các kho dầu lại phải di chuyển phá dỡ và thay đổi theo, giá trị thu hồi không đáng kể. Đây là sự khác biệt của các kho xăng dầu trên mỏ so với kho dưới mặt bằng đô thị ổn định.

❖ Máy móc thiết bị

Máy móc thiết bị Công ty bao gồm máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và kinh doanh dịch vụ cung ứng (Xăng, Dầu Diesel, dầu nhớt, mỡ máy). Phần lớn các máy móc thiết bị này được đầu tư từ lâu (khoảng trên dưới 10 năm), khả năng hoạt động có nhiều hạn chế.

❖ Phương tiện vận tải

Gồm 22 đoàn phương tiện vận tải thủy và hệ thống các xe ô tô con, ô tô vận tải đường bộ phục vụ sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong số phương tiện vận tải trên có 22 đoàn phương tiện vận tải thủy nội địa có giá trị lớn nhưng chỉ chiếm khoảng 10% doanh thu toàn Công ty. Đây là đơn vị hoạt động không hiệu quả, thường xuyên bị lỗ, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty.

14.2. Tình hình tài sản dở dang của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016
Bảng 13: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.356	115

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016)

14.3. Tình hình đất đai của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016

Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng:

Bảng 14: Tình hình đất đai của Công ty

TT	Vị trí	Tài sản trên đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Hồ sơ pháp lý
I	Diện tích có GCN QSDĐ		13.516,20		
1	Mông Dương - Cẩm Phả	Cửa hàng xăng dầu	1.280,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 23/4/2063	QĐ 1047/QĐ-UBND ngày 23/04/2013, HĐ thuê số 247/HĐTĐ ngày 9/7/2013, Giấy CN QSDĐ số 811552
2	Quang Hanh - Cẩm Phả	Nhà điều hành, kho, bãi đỗ xe	6.726,60	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 18/11/2055	QĐ 761/QĐ-UBND ngày 20/03/2009, HĐ thuê số 148/HĐTĐ ngày 22/5/2014, Giấy CN QSDĐ số 821168
3	Hà Khánh - Hạ Long	Cửa hàng xăng dầu	1.570,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 22/01/2064	QĐ 164/QĐ-UBND ngày 22/1/2014, HĐ thuê số 127/HĐTĐ ngày 8/5/2014, Giấy CN QSDĐ số 847932
4	Hà Tu - Hạ Long	Nhà điều hành, bãi đỗ xe, kho vật tư	3.562,60	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 27/11/2063	QĐ 3244/QĐ-UBND ngày 27/11/2013, HĐ thuê số 128/HĐTĐ ngày 8/5/2014, Giấy CN QSDĐ số 847942
5	Bạch Đằng - Hạ Long	Văn phòng Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	377,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 7/6/2045	QĐ 1242/QĐ-UBND ngày 8/5/2015, HĐ thuê số 111/HĐ-TĐ ngày 7/7/2015, Giấy CN QSDĐ số 324509
II	Diện tích có QĐ thuê đất nhưng chưa có GCN QSDĐ		75.114,20		
1	Cẩm Đông - Cẩm Phả	Trụ sở Văn phòng công ty	4.617,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 11/7/2018	QĐ 1777/QĐ-UBND ngày 14/06/2016, đang thực hiện ký HĐ thuê đất

TT	Vị trí	Tài sản trên đất	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng hiện tại	Hồ sơ pháp lý
2	Cắm Tây - Cắm Phả	Kho vật tư, Cửa hàng xăng dầu	8.165,50	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 11/7/2018	QĐ 1792/QĐ-UB ngày 11/07/1998, HĐ thuê số 76/HĐTD ngày 28/3/2014
3	Cửa Ông - Cắm Phả	Nhà máy sản xuất dầu nhờn	20.595,30	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 11/7/2018	QĐ 1177/QĐ-UBND ngày 19/04/2016, đang thực hiện ký HĐ thuê đất
4	Cắm Thủy - Cắm Phả	Văn phòng, Phân xưởng may	1.100,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 21/11/2018	QĐ 4270/QĐ-UB ngày 21/11/2003, HĐ thuê số 325/HĐTD ngày 10/10/2013
5	Cửa Ông - Cắm Phả	Phân xưởng ô tô, Kho thiết bị	11.692,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 11/7/2018	QĐ 1792/QĐ-UB ngày 11/07/1998, HĐ thuê số 76/HĐTD ngày 28/3/2014
6	Cắm Thịnh - Cắm Phả	Xưởng cơ khí	5.244,50	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 11/7/2018	QĐ 1792/QĐ-UB ngày 11/07/1998, HĐ thuê số 76/HĐTD ngày 28/3/2014
7	Xã Thắng lợi - Vân Đồn	Đào Thẻ Vàng	7.507,40	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 13/4/2026	QĐ 2742/QĐ-UBND ngày 29/8/2016, đang thực hiện ký HĐ thuê đất
8	Xưởng Sato - Hạ Long		3.180,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 19/1/2028	QĐ 174/1998/QĐ-UB ngày 19/1/1998, HĐ thuê số 42 HĐ/TĐ ngày 19/7/1999
9	Cắm Đông - Cắm Phả	Kho - Cảng dầu Vũng hoa	10.210,00	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến 31/12/2017	QĐ 3784/QĐ-UBND ngày 10/11/2016, đang thực hiện ký HĐ thuê đất
10	Cắm Sơn - Cắm Phả	Văn phòng Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ	2.802,50	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đến ngày 27/02/2024	Thuê theo QĐ 734/QĐ-UBND ngày 17/4/2014, HĐ thuê số 258/HĐ-TĐ ngày 4/9/2014
III	Diện tích chưa có QĐ thuê đất		183.500,00		
1	Phân xưởng Cơ khí thủy - Cắm	Phân xưởng cơ	183.500,00	Thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty đang làm hồ sơ thuê đất

TT	Vị trí	Tài sản trên đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Hồ sơ pháp lý
	Phả	khí thủy			
IV	Diện tích hết hạn thuê đất		5.234,84		
1	Cắm Tây - Cắm Phả	Văn phòng Xí nghiệp Vật tư Cắm Phả	5.064,34	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thuê theo QĐ 3012/QĐ-UB ngày 05/09/2003, HĐ thuê số 95/HĐTD ngày 17/9/2003, hết hạn thuê ngày 5/9/2013. Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn
2	Cắm Tây - Cắm Phả	Khu tập thể 2 tầng	170,50	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thuê theo QĐ 3012/QĐ-UB ngày 05/09/2003, HĐ thuê số 95/HĐTD ngày 17/9/2003, hết hạn thuê ngày 5/9/2013. Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn
V	Diện tích giao quản lý trồng và bảo vệ rừng		32.000,00		
1	Xã Thắng lợi - Vân Đồn	Đảo Thẻ Vàng -	32.000,00	Giao quản lý	
VI	Diện tích xin trả đất		434.747,50		
1	Cắm Thạch - Cắm Phả		3.019,00	Thuê đất trả tiền hàng năm	
2	Đảo Vạn Duội	Trồng rừng	430.000,00	Giao đất, giao rừng	Hồ sơ giao đất, giao rừng số 423B ngày 13/09/1999
3	Khu đất xã Việt Hưng - Hoàn Bồ	Văn phòng Xí nghiệp	1.728,50	Thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy CN QSDĐ số 387912
	Cộng		744.112,74		

(*) Ghi chú: Diện tích trên không bao gồm diện tích vi phạm lộ giới, số liệu cập nhật đến thời điểm 31/12/2016.

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2017 như sau:

Bảng 15: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Năm 2016			Năm 2017	
			Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	% thực hiện kế hoạch	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	150.000	150.000	100,0%	150.000	0,0%
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	4.983.730	3.215.064	64,5%	3.349.577	4,2%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	23.600	26.340	111,6%	22.800	-13,4%
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,47%	0,82%		0,68%	-
7	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	15,73%	17,56%		15,20%	-
8	Cổ tức	%	7,0%	7,0%		7,0%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, 2017 của Công ty CP Vật tư - TKV)

*Ghi chú: Công ty chưa có kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch
➤ Nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì hưởng thu nhập cao và ngược lại.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh giản bộ máy gián tiếp để nâng cao hiệu lực quản lý và tiết kiệm chi phí tiền lương.
- Tăng cường sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý: phần mềm quản lý kế toán; hệ thống định vị phương tiện (GPS), hệ thống quản lý xăng dầu (Camera quan sát, thiết bị đo bồn chứa, thiết bị giám sát nhập - xuất xăng dầu), hệ thống cấp phát nhiên liệu tự động nhận diện phương tiện thông qua thiết bị cảm ứng từ.
- Thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 và Chương trình 5S để nâng cao chất lượng quản lý.

➤ Tăng doanh thu, giảm chi phí

- Mở rộng và phát triển các hoạt động SXKD dựa trên thế mạnh của Công ty, tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các bạn hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các tiện ích, dịch vụ gia tăng cho khách hàng; coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty.

- Đầu tư thay thế trang thiết bị cũ và đổi mới thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm, dịch vụ như các xe trọng tải lớn trong vận chuyên dầu, gầu ngoạm tự động cho bốc xếp...
- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm dầu nhờn mới: Dầu siêu vi nhũ thân thiện với môi trường, dầu phục vụ cho nhu cầu dân sinh, ống gió lò chống cháy ...
- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật ở tất cả các khâu. Coi đây là biện pháp quan trọng trong quản lý các yếu tố vật liệu, nhiên liệu.
- Tiết kiệm trong chỉ huy điều hành bằng việc bố trí phương tiện hợp lý, tăng khả năng vận chuyển hàng hai chiều.
- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Không có

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Xây dựng MTS trở thành một Công ty hàng đầu, tin cậy trong lĩnh vực cung ứng vật tư, xăng dầu và dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác than, khoáng sản và các loại hàng hóa khác tại Việt nam. Tập trung phát triển sản phẩm, dịch vụ có thế mạnh: sản xuất dầu nhờn, dịch vụ cung ứng xăng dầu, dịch vụ bốc xếp trên biển;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với phương châm hành động: **“Tâm sáng với việc - Tận tụy với nghề”** là nguyên tắc lao động của mỗi cá nhân và tập thể trong công ty cho tiến trình xây dựng MTS phát triển bền vững, đem đến cho khách hàng sự hài lòng nhất bằng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng, khẳng định thương hiệu MTS ở trong và ngoài nước.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Phạm Hồng Tài	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Trần Minh Nghĩa	Ủy viên HĐQT – Giám đốc công ty	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc công ty	Thành viên điều hành
4	Trần Quốc Thành	Ủy viên HĐQT - Giám đốc xí nghiệp	Thành viên điều hành
5	Tạ Quang Tuấn	Ủy viên HĐQT - Giám đốc xí nghiệp	Thành viên điều hành

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT
1.1.1. Ông Phạm Hồng Tài - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Phạm Hồng Tài
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/04/1959
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100999318 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 8/8/2005
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ
Quá trình công tác	
Từ năm 1988 đến năm 2006	Làm việc tại Công ty Than Cọc Sáu nay là Công ty cổ phần Than Cọc Sáu
Từ tháng 01/2006 đến tháng 04/2010	Giám đốc Công ty Than Cọc Sáu nay là Công ty cổ phần Than Cọc Sáu
Từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2013	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu
Từ tháng 04/2013 đến nay	Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cao Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai
Từ 10/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cao Sơn + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu:	
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu
- Sở hữu đại diện cho Tập đoàn CN Than - Khoáng sản VN:	7.650.000 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty

Số cổ phiếu của những người liên quan

Người liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	Đại diện vốn góp của TKV tại MTS	7.650.000	51%

Các khoản nợ với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác 5.100.000 đ/tháng

Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch Không

1.1.2. Ông Trần Minh Nghĩa - Ủy viên HĐQT/ Giám đốc công ty

Họ và tên	Trần Minh Nghĩa
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/10/1966
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Hải Phòng
Địa chỉ thường trú	Số 27, Khu A, Ngõ 109, Đường Trường Chinh, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	013231057 do Công an Hà Nội cấp ngày 24/8/2009
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Trắc địa công trình

Quá trình công tác

Từ tháng 01/1990 đến tháng 06/1990	Nhân viên Trạm Giám định - Xí nghiệp Vận tải đường sắt Cẩm Phả
Từ tháng 07/1990 đến tháng 03/1995	Nhân viên - Phó quản đốc Trung tâm KCS Cẩm Phả
Từ tháng 04/1995 đến tháng 06/1999	Trưởng phòng Hóa nghiệm Trung tâm Đo lường và giám định sản phẩm
Từ tháng 07/1999 đến tháng 09/2004	Phó giám đốc Trung tâm Đo lường và giám định sản phẩm
Từ tháng 10/2004 đến 02/2006	Phó giám đốc Công ty Đo lường và giám định sản phẩm

Từ tháng 03/2006 đến tháng 02/2011	Phó giám đốc Công ty CP Giám định sản phẩm - TKV (sau đổi tên thành Công ty CP Giám định - Vinacomin)
Từ tháng 03/2011 đến tháng 06/2015	Giám đốc Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin
Từ tháng 07/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác *	29.200.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.3. Ông Nguyễn Mạnh Cường - Ủy viên HĐQT/ Phó Giám đốc công ty

Họ và tên	Nguyễn Mạnh Cường
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/03/1960
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 80, Khu 5, Phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100041008 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 9/9/2004
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ năm 1979 đến năm 1992	Nhân viên Công ty Than Đèo Nai
Từ năm 1992 đến tháng 06/2010	Nhân viên - Phó phòng Kế hoạch - Phó giám đốc xí nghiệp - Trưởng phòng Kế hoạch - Phó giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 06/2010 đến tháng 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomim
Từ tháng 05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty CP Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	6.400 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	26.300.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.4. Ông Trần Quốc Thành - Ủy viên HĐQT

Họ và tên	Trần Quốc Thành
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/08/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 1, Khu 5, Phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100611961 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 9/9/2004
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	

Từ tháng 01/1995 - 06/2010	Công tác tại Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 06/2010 - 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomim
Từ tháng 05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	5.416 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Trần Thị Minh Tâm, Em ruột, nắm giữ 945 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ của Công ty
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	21.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.5. Ông Tạ Quang Tuấn - Ủy viên HĐQT

Họ và tên	Tạ Quang Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/03/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Lạng Sơn
Địa chỉ thường trú	Tổ 11, Khu 9, Phường Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100587746, Công an Quảng Ninh cấp ngày 14/10/2004
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ tháng 07/2006 - 03/2008	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ

Từ tháng 04/2008 - 06/2010	Phó giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 06/2010 - 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
Từ tháng 05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	163.298 cổ phần chiếm 1,09% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	21.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 người, trong đó:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| 1. Ông Phạm Quang Tuyền | Trưởng ban Kiểm soát |
| 2. Ông Phạm Văn Quảng | Thành viên |
| 3. Bà Tô Thị Lan | Thành viên |

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Ông Phạm Quang Tuyền - Trưởng ban Kiểm soát

Họ và tên	Phạm Quang Tuyền
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/08/1959
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Nam Định
Địa chỉ thường trú	Số 57, Hồ Tùng Mậu, Khu Minh Khai, Phường Cẩm

	Tây, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100679926, Công an Quảng Ninh cấp ngày 12/10/2011
Trình độ chuyên môn	Đại học (Cử nhân kế toán)
Quá trình công tác	
Từ năm 1983 đến năm 1993	Cán bộ Phòng KTTK Mỏ than Đèo Nai nay là Công ty cổ phần Than Đèo Nai
Từ năm 1993 đến năm 1994	Phó phòng, Trưởng phòng KTTK Mỏ than Đèo Nai nay là Công ty cổ phần Than Đèo Nai
Từ năm 1995 đến năm 2009	Kế toán trưởng Công ty Than Đèo Nai nay là Công ty cổ phần Than Đèo Nai
Từ năm 2009 đến tháng 04/2016	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Than Đèo Nai
Từ tháng 05/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách tại Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	22.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2.2. Ông Phạm Văn Quảng - Thành viên

Họ và tên	Phạm Văn Quảng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/11/1961
Quốc tịch	Việt Nam

 1007
 IG T
 HẢI
 S-T
 QU

Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 4, Khu 1, Phường Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100989016, Công an Quảng Ninh cấp ngày 11/04/2005
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành thống kê

Quá trình công tác

Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2009	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Xây dựng & phát triển nhà ở Quảng Ninh
Từ tháng 11/2009 đến tháng 05/2011	Phó giám đốc - Công ty Cổ phần Xây dựng & phát triển nhà ở Quảng Ninh
Từ tháng 06/2011 đến tháng 04/2014	Trưởng phòng Quản lý dự án hạ tầng, Trưởng phòng Quản lý dự án đầu tư - Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
Từ tháng 05/2014 đến nay	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư, thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư, thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	2.600 cổ phần chiếm 0,02% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	11.900.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2.3. Bà Tô Thị Lan - Thành viên

Họ và tên	Tô Thị Lan
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/05/1974

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Sán Dìu
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 96, Khu 9B, Phường Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	022174000834 do Cục Cảnh sát cấp ngày 21/07/2016
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Từ tháng 03/1994 đến 02/2008	Nhân viên Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Tháng 03/2008	Phó trưởng Phòng Kế toán, Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 04/2008 đến tháng 04/2014	Phó trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm toán - Bảo vệ quân sự, Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ (sau đổi tên thành Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin)
Từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2015	Phó trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Từ tháng 04/2015 đến tháng 02/2016	Thành viên Ban kiểm soát, Phó trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Từ tháng 03/2016 đến tháng 09/2016	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Chánh văn phòng giám đốc - Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Từ tháng 10/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Chánh văn phòng - Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Thành viên Ban kiểm soát, Chánh văn phòng - Công ty cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	10.000 cổ phần chiếm 0,07% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	13.300.000 đ/tháng

Lợi ích liên quan đến tổ chức Không
đăng ký giao dịch

3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Trần Minh Nghĩa | Giám đốc (Sơ yếu lý lịch của Ông Nghĩa đã được nêu ở trên) |
| 2. Ông Nguyễn Mạnh Cường | Phó Giám đốc (Sơ yếu lý lịch của Ông Cường đã được nêu ở trên) |
| 3. Ông Nguyễn Thế Hùng | Phó Giám đốc |
| 4. Ông Trương Quang Vệ | Phó Giám đốc |
| 5. Ông Hoàng Xuân Tùng | Kế toán trưởng |

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên Ban Giám đốc

3.1. Ông Nguyễn Thế Hùng - Phó Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/03/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	186 Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100500336 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 21/2/2006
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác

Từ tháng 11/1986 đến 11/1987	Công nhân - XN Vận tải ô tô Cẩm Phả
Từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004	Phó trưởng phòng Kế toán Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 07/2007 đến tháng 11/2010	Trưởng phòng Thương mại Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 12/2010 đến tháng 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomim
Từ tháng 05/2014 đến 07/2015	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty CP Vật tư - TKV
Từ tháng 08/2015 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV

Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	17.000 cổ phần chiếm 0,11% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	22.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

3.2. Ông Trương Quang Vệ - Phó giám đốc

Họ và tên	* Trương Quang Vệ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/09/1960
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Tổ 84, Khu 5, Phường Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100989411, Công an Quảng Ninh cấp ngày 13/03/2012
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy
Quá trình công tác	
Từ tháng 02/1990 đến tháng 06/1995	Nhân viên Phòng Kinh doanh - Xí nghiệp Vật tư vận tải Cẩm Phả
Từ tháng 07/1995 đến tháng 06/1996	Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Vật tư vận tải xếp dỡ
Từ tháng 07/1996 đến 09/2004	Phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 10/2004 đến 06/2010	Phó giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ

Từ tháng 06/2010 đến tháng 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
Từ tháng 05/2014 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	7.500 cổ phần chiếm 0,05% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	22.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

3.3. Ông Hoàng Xuân Tùng - Kế toán trưởng

Họ và tên	Hoàng Xuân Tùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/11/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 7, Khu 2, Phường Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100696979 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 01/08/2000
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính tín dụng
Quá trình công tác	
Từ tháng 11/2001 - 05/2004	Nhân viên P.Kế toán - Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 06/2004 đến tháng 02/2005	Phó trưởng Phòng Kế toán - Xí nghiệp Xếp dỡ trực thuộc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ

Từ tháng 03/2005 đến tháng 06/2010	Phó trưởng Phòng Kế toán - Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
Từ tháng 06/2010 đến tháng 04/2014	Phó trưởng Phòng Kế toán - Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
Từ tháng 05/2014 đến 12/2014	Phó trưởng Phòng Kế toán - Công ty CP Vật tư - TKV
Từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2016	Kế toán trưởng Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Từ tháng 05/2016 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay tại tổ chức ĐKGD	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Kiểm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu	
- Sở hữu cá nhân:	1.100 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	20.100.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty có kế hoạch cơ cấu lại nhân sự, tập trung đào tạo nhân sự chủ chốt là các cán bộ quản lý, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công ty cổ phần. Đồng thời, định kỳ Công ty tổ chức họp nghiên cứu, hoàn thiện một số quy trình như quy trình công bố thông tin, triệu tập ĐHĐCĐ...; Xây dựng cơ chế giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty; giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty. Hoạt động của Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định tại Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật khác về quản trị công ty đại chúng.

IV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Tùng

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 3 năm 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Trần Minh Nghĩa